TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Y, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ -ST
Ngày: 31-5-2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Hải Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thủy

2. Ông Nguyễn Ngọc Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2017/TLST- HNGĐ ngày 27/3/2017 về tranh chấp: Ly hôn và nuôi con chung, theo Thông báo về việc mở lại phiên tòa số số: 15/2017/TB-XX ngày 16/5/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị H - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T1, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Anh U - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T1, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Chị H kết hôn với anh Đỗ Anh U ngày 28/6/2005 được tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh U sử dụng chất ma túy và bị đi cai nghiện bắt buộc từ năm 2012 đến năm 2014 nhưng không cai nghiện được, hơn nữa anh hay bỏ nhà đi đánh bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh U thường xuyên đi vắng, không quan tâm đến gia đình, con cái. Chị H và gia đình đã kUên răn nhiều lần nhưng anh U không thay đổi. Đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên căng thẳng. Vợ chồng không tự hòa giải được, mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng. Hiện hai vợ chồng vẫn sống chung nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Y giải quyết cho chị được ly hôn anh U.

Về con chung: Chị H và anh U có 02 con chung: - Đỗ Tiến D– sinh ngày 25/5/2002 ; Đỗ Hải Thanh B – sinh ngày 03/9/2008

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con. Vì anh U không đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung : Chị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đỗ Anh U đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt

Tại hồ sơ vụ án cháu Đỗ Tiến Dvà cháu Đỗ Hải Thanh B đều có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị H nếu chị H và anh U ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Đỗ Anh U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 28/6/2005 là hôn nhân hợp pháp.Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn từ đó đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống hơn nữa anh U nghiện chất ma túy, cờ bạc, thường đi vắng và không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không tự hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Anh chị tuy còn sống chung nhưng không quan tâm đến nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết và chị xin được ly hôn.Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh U không có mặt nên toà án không tiến hành hoà giải được và không thể hiện lời khai trong hồ sơ.

Tại phiên toà chị H vẫn xác định tình cảm vợ chồng đã hết và yêu cầu được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của chị H và anh U không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự. Xét yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Chị H và anh U có 02 con chung: Đỗ Tiến D– sinh ngày 25/5/2002 ; Đỗ Hải Thanh B – sinh ngày 03/9/2008.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của chị H là phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được quy định trong luật Hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh U thường xuyên vắng nhà, hai cháu hiện đang ở ổn định cùng chị H, được chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo quyền và lợi ích của các cháu, đảm bảo sự ổn định cuộc sống, học tập của các cháu và phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cả hai cháu nên giao hai cháu Đỗ Tiến Dvà Đỗ Hải Thanh B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Lương Thị H được ly hôn anh Đỗ Anh U.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là: Đỗ Tiến D- sinh ngày 25/5/2002 ; Đỗ Hải Thanh B - sinh ngày 03/9/2008 cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh U có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/06062 ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh ;
- VKSTP, THATP;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hải Anh